



HÌNH TƯỢNG CON NGƯỜI CHỐI BỎ ĐÔ THỊ TRONG TIỂU THUYẾT ĐỖ PHẤN

Nguyễn Thùy Trang

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 32 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Con người chối bỏ đô thị là hình tượng tiêu biểu trong các tiểu thuyết của Đỗ Phấn. Không khí ồn ào, đông đúc, chật chội và ô nhiễm của thành phố đã khiến nhiều người cảm thấy ngột ngạt, bế tắc. Sống giữa những dòng người lạnh lùng, vô cảm, họ còn cô đơn và lạc lõng. Đỗ Phấn đã phác thảo chấn thương của con người hiện đại trong bối cảnh đô thị hóa để nhận thức lại về thế giới thực tại. Đó cũng là cách nhà văn truy nguyên bản ngã của chính mình, phản tư hiện thực và thể hiện khát vọng về đời sống hài hòa, gắn quện cùng thiên nhiên.

Từ khóa. đô thị, Đỗ Phấn, chối bỏ đô thị, thiên nhiên

1. Mở đầu

Sinh ra, lớn lên và trưởng thành theo năm tháng cùng Hà Nội, Đỗ Phấn đã trút hết mọi tâm tình và tự sự với quê hương qua hàng loạt sáng tác về đề tài đô thị. Trong hội họa, Đỗ Phấn là người “họa sĩ già”, nhưng trong nghiệp văn, ông lại là “cây bút trẻ”. Vì chính quan niệm “sống cho đủ ngày đủ tháng rồi hãy viết”, nên dẫu đến với văn chương khá muộn màng, Đỗ Phấn vẫn cuốn hút người đọc một cách khó cưỡng với các tác phẩm của mình. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhà văn đã chứng tỏ bút lực dồi dào và vốn sống dày dặn qua nhiều tiểu thuyết liên tục được xuất bản và tái bản như *Vắng mặt*, *Chảy qua bóng tôi*, *Rừng người*, *Dằng dặc trên sông mưa*, *Gần như là sống*, *Rụng xuống ngày hư ảo*, *Ruồi là ruồi*, *Rong chơi miền kí ức...* Văn chương Đỗ Phấn rất dung dị, không giải thiêng, huyền ảo, không điển phạm, hàn lâm, cũng không nhiều biểu tượng và ẩn dụ để đàm đạo về những thứ cao siêu. Ông viết về những điều rất thực ở đời, tự nhiên như hơi thở và lẽ sống của con người. Dường như với Đỗ Phấn, viết văn cũng là con đường để tìm lại chính mình và để truy nguyên bản ngã giữa những ồn ào phố thị.

Ám gọi trong tiểu thuyết Đỗ Phấn là hình tượng con người chối bỏ đô thị. Thoạt tiên, nghe thật phi lý, con người mong muốn được sống trong bầu sinh quyển tân thời, văn minh, nhưng khi lạc giữa thành phố và trở thành thị dân, họ lại muốn thoát khỏi đô thị. Kỳ thực, đó lại là tâm thức chung của đa số người hiện đại. Tâm trạng vừa ghét vừa yêu một thành phố đã trở thành nỗi phân vân và giằng xé trong rất nhiều tác phẩm của Đỗ Phấn.

*Liên hệ: thuytrang23988@gmail.com

Nhận bài: 19-07-2018; Hoàn thành phản biện: 04-10-2018; Ngày nhận đăng: 15-10-2018

2. Nội dung

2.1. Cảm giác ngọt ngào, cô đơn của thị dân trong bối cảnh đô thị hóa

Nhịp sống hiện đại đã mở ra cho con người những cánh cửa cơ hội, thành công và cả thách thức. Điều này đòi hỏi chúng ta phải lao vào cuộc sống hối hả, nhộn nhịp, năng động. Tuy nhiên, con người đô thị trong tiểu thuyết Đỗ Phấn luôn trong trạng thái lững thững, suy tư và bất cần. Họ được đặt trong một không gian bế tắc, ngọt ngào và trong thời gian lê thê và lặp lại theo tuần hoàn ngày tháng.

Nhân vật chính trong đa phần tiểu thuyết Đỗ Phấn là nhân vật xung tôi, người kể chuyện thường thuộc ngôi thứ nhất, như một kiểu phân thân của tác giả nhằm tự sự về một xã hội thị dân đang chuyển mình liên tục. Các nhân vật dường như luôn phảng phất một nỗi buồn vô cớ. “Tôi” không ngừng suy tư và trăn trở với ước vọng “phục sinh” một Hà Nội đẹp xưa. “Tôi” cũng còn tiếc nuối và dằn vặt vì “những hàng cây cổ thụ đã bị cưa hết cành ngang, chỉ còn tro lại những thân cây sừng sờ đứng” và “mặt đường như bỗng toác hẳn ra. Tâm nhìn xa đến tận dòng nước đục ngầu của con sông mùa nước lên. Bóng những chiếc xe tải màu vàng khổng lồ cần mẫn bò lên bò xuống sau gờ đất lở gần mép nước. Những chiếc gầu xúc lờm chờm răng cũng ngúc ngoác giờ lên từ chỗ ấy” (*Vắng mặt*). Và thỉnh thoảng, “Tôi” lại ngơ ngàng trước những đổi thay “nhà hàng khách sạn chen chúc mọc lên khắp các triền đồi ven hồ nước. Đất đai bán mua đổi chác chuyển mục đích sử dụng ào ào” (*Gần như là sống*).

Hình ảnh con người chơi với giữa dòng người đông đúc đã trở nên phổ biến, không chỉ trên đường phố đời thực, mà còn xuất hiện rất nhiều trong tác phẩm của Đỗ Phấn. “Cửa ô ùn tắc. Những đoàn người cầm lặng như được làm bằng sáp lung lay tan chảy, và hòa vào nhau thành một sinh vật khổng lồ nôn nao nhà khói” (*Rừng xuống ngày hư ảo*), “người đi ngùn ngụt nhưng không có ai nhìn vào mắt nhau” và “bây giờ người ta chen lấn mà không hề máy may bận tâm đến việc ấy. Như một đàn kiến chen chúc cụng đầu vào nhau. Dừng lại. Lách mình. Không một lời phiến trách hay xin lỗi” (*Vết gió*). Đến nỗi, chen lấn đã trở thành một nét “văn hóa đường phố” Hà Nội và là một điều tất nhiên phải làm nếu muốn tồn tại. Khi thoát ra khỏi đám đông chật chội, huyên náo ấy, con người lại tiếp tục bước vào những chiều không gian bí bách, ngọt ngào khác. Đó là “những building chọc trời thẳng tắp”, “những tổ kiến khổng lồ”, những “cỗ máy” bê-tông và sắt thép lạnh lùng, vô cảm. Nhà văn nhận ra các tòa nhà và chung cư chỉ khác nhau “mỗi cái tên”. Con người trở nên đáng thương, bị động vì những bức tường tù túng đó. Thành ra, “phố phường như cái túi đựng người chất chứa những tâm sự lặng câm nhẫn nại” (*Vết gió*).

Trong không gian rối ren và nhộn nhạo ấy, một câu hỏi được nhà văn đặt ra như bung tỏa cả niềm trăn trở: “chuyện gì xảy ra nếu đột nhiên tám biển bằng nhựa ghi số phòng nhỏ bằng bàn tay biến mất? Tất cả các cánh cửa đều giống nhau như hệt. Vào nhầm nhà ai đó trong

thành phố là điều khủng khiếp” [5, Tr. 41]. Nghịch lý của sự phát triển đô thị đã hiện lên, từng căn nhà cao vút, hiện đại, tiện nghi, được mã hóa điện tử đã gần giống như những “căn hầm”, “phòng thí nghiệm” và “chuồng thú”. Các nhân vật bị đồng hóa trong những cái tên “anh hàng xóm tầng 14”, “người đàn ông trong căn phòng B301”... Sau nhiều ngày tháng bươn chải để có một chỗ đứng vững chắc giữa thành phố, Hùng (*Ruồi là ruồi*) đã trần tình, “không thể ru rú trong căn hộ tầng cao. Một cỗ máy để ở dù hoàn chỉnh đến mức nào thì cũng bộc lộ đầy khiếm khuyết. Nó dồn con người vào một nỗi cô đơn tuyệt đối cách xa đồng loại ngay ở chỗ tập trung rất đông con người” [4, Tr. 92]. Bối cảnh các nhân vật đang tồn tại được muông tượng như những “chiếc hộp” trói buộc mọi người “sống trong một rừng đồ điện”, nên “rất khó để tìm ra một khoảng bóng đổ êm đềm dù chỉ trong lòng chiếc chén”. Những tiện ích của cuộc sống hiện đại trở thành bức tường ngăn cách con người. Cho nên mới có chuyện một anh chàng với công việc ổn định, đáng mơ ước ở thành phố bỗng một ngày xin thôi việc khi nhận ra sự giả tạo được che chắn qua nụ cười niềm nở, sự thân thiện được bao bọc trong lớp đồng phục công sở và sự lọc lừa ẩn chứa từ những hành động bất ngờ. Vì anh hiểu rằng, “cuối cùng con người vẫn nhỏ nhoi nằm trọn vẹn trong mọi toan tính của tự nhiên” (*Gần như là sống*). Ranh giới giữa người sống và người chết cũng trở nên mỏng manh vì những bi kịch như thế ở thành phố; “chưa thấy ở đâu khoảng cách giữa người sống và người chết gần nhau thế này. Người chết đang sống cuộc đời vênh vang bia mộ. Người sống thì chui vào những căn hộ im lìm vuông” [5, Tr. 18]. Đó là những tự sự đáng lòng của một nhà văn tâm huyết với cái đẹp quê hương, trải nghiệm môi sinh hiện đại khiến ông không chấp nhận được những gì đang phá vỡ cảnh quan thành phố và rạn nứt tâm hồn con người.

Giữa thủ đô hàng triệu người, nhưng bản thân mỗi người lại mang nỗi bơ vơ thấu tận. Đỗ Phấn đã giải mã những xúc cảm thường trực của thị dân để nhận ra: “Nỗi cô đơn đã biến thành hoài nghi sợ sệt. Chẳng ở đâu con người dễ nổi nóng như thành phố... Con người phải sợ hãi đến mức nào thì mới trở nên hung dữ như thế?” [4, Tr. 92] Rất nhiều người ngộ rằng giữa cuộc sống hiện đại, tân tiến, tương là bá chủ, trung tâm, hóa ra con người lại càng lạc lõng, nhạt nhòa. “Nỗi cô đơn ở thành phố chẳng bao giờ lâu bền. Dù không muốn thì cũng có nỗi cô đơn khác can thiệp vào. Hai nỗi cô đơn cộng lại chỉ để thành một nỗi cô đơn lớn hơn thì phải” [5, Tr. 107]. Cứ thế, con người miệt mài trên con đường sinh tồn đơn độc, đi hết nỗi cô đơn này đến nỗi cô đơn khác chỉ để kết thúc chặng đường làm người. Mảnh đất này như có phép màu điều chỉnh các mối quan hệ, bạn bè, người thân “có những dịp vài năm liên tục gặp nhau rồi lại đến gián đoạn nhiều năm sau nữa”, “không giận dữ, không thù oán hay ghét bỏ. Chỉ như một thứ chu kỳ tự nhiên vậy”, “không bao giờ vô vấp nhưng cũng không quá hững hờ” (*Rụng xuống ngày hư ảo*). Do đó, “lý tưởng sống với cộng đồng, vì cộng đồng đã trở nên xa lạ” (*Rong chơi miền kí ức*).

Dần dà, bóng dáng con người cứ nhạt phai trong từng mối quan hệ, kể cả tình thân. Lý tưởng sống của họ cũng bị bào mòn vì những thứ tầm thường: ăn uống, làm việc, làm tình, du

lich, cà phê... Đúng hơn, họ bị bủa vây trong cảm giác mục ruỗng, vô nghĩa, nhàm chán. Lâu lâu, họ nén tiếng thở dài tự hỏi: “Chẳng hiểu đô thị có những gì mà giàu sức quyến rũ đến thế... Làm dân phố để tự nhốt mình vào những căn hộ tối thiểu khu tập thể. Để chui rúc trong những ngôi nhà hình ống quanh năm không thấy ánh sáng mặt trời. Để lang thang vỉa hè mà nhét vào bụng thức ăn đường phố rất đáng ngờ” [5, Tr. 128]. Làm thị dân chỉ mỗi thuận lợi duy nhất là “ra đường khỏi phải chào nhau như ở làng”. Cảm giác chán ghét và chối bỏ đô thị dần trải qua nhiều trang viết của Đỗ Phấn. Nhiều nhân vật tìm đến sex như một sự giải thoát/giải tỏa, nhưng đôi khi, sex lại khiến họ càng đánh mất chính mình. Hùng và bạn bè anh điên loạn lao vào những “bữa tiệc người” (*Ruồi là ruồi*). Nhà báo Đức đến với Ngân và Thủy, và rồi sau mỗi cuộc ân ái, anh vẫn chẳng biết mình là ai (*Rụng xuống ngày hư ảo*). Hay chuyện của Quang và Hoa (*Rong chơi miền kí ức*), rất khó để có thể gọi đó là tình yêu, họ tình cờ gặp nhau trên chuyến xe liên tỉnh, làm tình và dạo chơi; đến khi quay về phố phường thì cả hai “bật vô âm tín”, lâu lâu lại ghé thăm nhau để thấy những nhộn nhạo vẫn còn đó, rồi lại mất tích.

Quần quanh trong sự bí bách và tù túng ấy, nhà văn không cho nhân vật một hướng giải quyết tốt đẹp hơn. Toàn bộ đời sống được phơi bày qua từng câu chữ. Bên trên cái lạnh lùng của ngòi bút, ẩn giấu những nỗi buồn. Cái buồn của ký ức, của tổn thương và mờ mịt ngày mai. Nhà văn Đức Fleck đã nói “loài người đã bước vào một cuộc chơi với thiên nhiên và loài người đã thắng hết ván này tới ván khác. Tuy nhiên, điều đó đã để loài người vướng vào những hệ quả của các chiến thắng” [2]. Đô thị có thể xem là một chiến thắng của con người trong việc gạt bỏ thiên nhiên ra khỏi tầm mắt. Trong niềm chiến thắng ấy, con người không hân hoan mà chỉ thấy bất hạnh, lạc loài.

2.2. Hành trình tìm về thiên nhiên – phương thức nhận diện bản ngã

Để diễn giải mặc cảm nô lệ của con người và cảm dỗ vũ trụ, triết gia người Nga Berdyaev (1874–1948) qua cuốn “*Con người trong thế giới tinh thần – Trải nghiệm triết học cá biệt luận*” nhận định rằng: “Tất cả mọi người đều đồng ý về chuyện hiện hữu tình trạng nô lệ của con người vào tự nhiên. Bỏ thắng lợi trước tình trạng nô lệ vào tự nhiên, vào những sức mạnh tự phát của tự nhiên, vốn vẫn là đề tài chủ yếu của nền văn minh. Con người, con người mang tính tập thể, đấu tranh chống lại tự nhiên tự phát đang nô dịch và đe dọa anh ta, nhân tính hóa môi trường tự nhiên xung quanh anh ta, tạo ra những công cụ đấu tranh vốn đang đứng giữa chúng ta và tự nhiên, chuyển sang thực tại của kỹ thuật, văn minh, lý trí, đây định mệnh, đặt số phận của mình phụ thuộc vào những thứ đó. Thế nhưng, chưa bao giờ con người đạt được giải phóng hoàn toàn khỏi quyền lực của tự nhiên và thi thoảng anh ta lại đòi quay trở về với tự nhiên như là giải phóng khỏi nền văn minh kỹ thuật đang làm cho anh ta ngạt thở” [1, Tr. 131]. Như vậy, hành trình tìm về thiên nhiên, thoát khỏi đời sống đô thị ồn ào, náo nhiệt xuất phát từ tiếng gọi sâu thẳm trong thế giới tinh thần của con người. Bản năng sinh tồn, bản năng yêu – ghét, tự do

– nô lệ đã thôi thúc nhân loại đến với những chiều không gian rộng mở, được đối mặt cùng vũ trụ và được hòa quyện vào thiên nhiên.

Lý giải theo cách mộc mạc của văn chương, Đỗ Phấn bộc bạch: “một chút thương nhớ hoài niệm là một nhu cầu của một bộ phận không nhỏ những thị dân mới. Nỗi niềm nhung nhớ quê hương có thể thấy đầy rẫy trong văn học nghệ thuật thành phố” [4, Tr. 159-160]. Nhà văn đã tìm thấy trong tâm thức con người hiện đại vẫn còn đồng vọng “tiếng gọi nơi hoang dã”, tiếng thủ thi hồn quê. Cội nguồn người Việt vốn là những nông dân trồng lúa nước. Tư thuở khai sinh lập địa, nếp sống của người Việt Nam quán quýt với cộng đồng thôn xóm, gia đình và dòng họ. Chân trời của họ là những lũy tre làng. Núi sông là nơi ngăn cách những đôi chân. “Yêu nhau mấy núi cũng trèo/ Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua” (Ca dao). Quá trình hiện đại hóa diễn ra và con người của xã hội thị dân không còn sống theo nhịp điệu muôn thuở của mùa màng, đình làng, ven đê... Cái tôi cá nhân xuất hiện như “đứa trẻ song sinh với xã hội công nghiệp”. “Bồi lẽ, trong nền văn minh công nghiệp (chủ yếu chinh phục tự nhiên), hoạt động sản xuất đòi hỏi phải có sáng kiến cá nhân. Chính điều đó làm cho con người tự tin vào quyền năng của mình với ngoại giới và nảy sinh ý thức về mình như một cá nhân hay cá thể” [8, Tr. 37]. Tuy nhiên, càng phát triển cao, càng hiện đại, con người cá nhân càng rơi vào trạng thái “cô đơn, biệt lập và tách rời đồng loại”. Thêm nữa, quy luật đồng tiền biến con người trở thành “hàng hóa”, “vật phẩm” phục vụ cho chính nhu cầu của mình trong sự bào mòn và tha hóa. Vốn là một “động vật xã hội”, có ý thức và có tính cộng đồng cao, con người lúc này không chấp nhận sự cô cút, thiếu vắng tình cảm đồng loại và tha hóa nhân tính. Mâu thuẫn đã xuất hiện nên con người rơi vào trạng thái đau khổ. Muốn thoát khỏi đau khổ và muốn chữa lành vết thương, con người quay về thiên nhiên như một sự bảo bọc, chở che và tìm lại của bản ngã của mình trong nhịp sống quay cuồng.

Motif quay ngược ngoại ô để lánh xa mọi rối ren phố thị trở thành một khuôn mẫu chung cho hầu hết sáng tác của Đỗ Phấn. Hùng (*Ruồi là ruồi*) cảm thấy những nhân tính đẹp đẽ trong bản ngã đang dần mất đi: cáu kính, lọc lừa, bon chen, hạ đẳng... Sống giữa ngoại ô, về với thiên nhiên, Hùng thực sự tìm được sự cân bằng cho chính mình và đánh thức rung động xao xuyến từ tình yêu chân thành với Liên. Nếu trước đây anh mong muốn kiếm thật nhiều tiền để được trở thành thị dân thời thượng, thì giờ đây, niềm mong mỏi của anh chỉ là xây dựng được một khu du lịch sinh thái làm chốn nương thân lúc về già. Anh nỗ lực trả lại cho thiên nhiên vẻ đẹp nguyên sơ, vốn có, đúng với “thuần phong mỹ tục”. Ở đây, “lối sống điền viên vài năm qua đã tạo cho hắn những thói quen mới”, không còn bị giam hãm giữa bốn bức tường trong căn hộ cao cấp Rose Golden, buổi sáng thức dậy dễ dàng đoán được thời gian qua ánh nắng đang len lỏi vào khung cửa, qua tiếng chim hót líu lo trong vườn... Con người vốn dĩ thật khó hiểu và họ nỗ lực hết mình để có một vị trí tỏa sáng ở thành phố, nhưng đến khi đạt được tất cả thì họ lại muốn rũ bỏ, lại tay trắng quay về nơi mình đã xuất phát. Phải chăng, khi quay về với thiên nhiên và nằm giữa lòng thiên nhiên, nhân loại nhận diện vị thế của mình giữa vũ trụ, sống có trách nhiệm và tôn trọng các sinh mệnh khác hơn?

Trong khoảnh khắc bên trong căn chòi đã cũ và giữa “những cuống sen già gãy gục im lìm in bóng xuống mặt nước rung rinh xao xác”, Tuấn (*Vết gió*) cảm nhận những phút giây được thanh tĩnh với thiên nhiên, “trong gió dường như có cả mùi đồng đất cây cỏ và phảng phất hương sen tao nhã”. Anh “hít sâu căng đến lồng ngực” và thả hết vào tâm trí “mùi hương thanh thản ấy” để “bù lại cho những ngày tháng giam mình trong căn phòng máy lạnh ở cơ quan”. Áp lực của chốn thành thị đông đúc đã khiến người ta thường trực một “mong muốn tìm về những nơi vắng vẻ, riêng tư”, “tìm một nơi có thể làm chủ tâm mắt trong khoảng không gian mà thành phố không bao giờ có được. Tìm nơi chỉ phải nói với một người cần nói và lắng nghe cũng chỉ một người. Đó là những ước muốn không còn thực hiện được ở thành phố nữa” [6, Tr. 148]. Sự phát triển của đô thị được ví như những song sắt dựng đứng, càng ngày càng khiến con người tuyệt giao với thiên nhiên, nên “con người như những phân tử khí kích thước chỉ một phần mười nanomet luôn tìm cách thoát ra ngoài”, để được gần gũi với cỏ cây, muôn thú, và hơn nữa, để được là chính mình!

Bởi một nhồi trước những toan tính thiệt hơn và dòng người vô cảm, bởi “không thể ngờ mảnh đất đã gắn bó với mình hơn chục năm lại có diện mạo như thế”, “tên tuổi những người hàng xóm lạ hoắc làm lão rơi vào cảm giác như mình về nhầm nhà”, bờ sông quen thuộc bị lở từng mảng, bên trên là “bọn người ăn điện, cầm những chiếc cần câu máy hiện đại ngồi câu giải trí”, ngoài phố vùn vụt xe cộ qua lại không quy tắc, lão Quảng quyết định bỏ lại ngôi nhà khang trang trong khu phố mới, bỏ lại người vợ trẻ tươi tắn và về với quãng sông năm xưa từng sinh sống. Chỉ có thiên nhiên mới giúp lão tìm lại thế giới thân thương, bình an nhất. “Gió lọt qua những cành non hăng hắc mùi lá cây giúp lão nhận biết chiều cao của những gốc phượng già mỗi ngày một lớn. Tiếng chim xôn xao trên đầu làm lão hình dung ra tán lá cao rộng của từng cây bang và cây com nguội” [3, Tr. 93]. Khi những cơn gió mát rượi bắt đầu thổi lên từ phía hạ lưu, một người mù như lão Quảng bắt đầu tìm lại cân bằng và bưng ngô. Bấy lâu nay, “phép thử của lão với thằng con nuôi và Nhân đã cho ra kết quả cuối cùng còn hơn cả cô đơn. Lão cô đơn với chính mình vì chẳng còn nhận ra mình trong cái hình hài rệu rã không ham muốn. Lão đã hoàn toàn trở thành một đồ vật không còn dùng được vào việc gì” [3, Tr. 278]. Nên “chẳng cần phải tự đày đọa mình thêm nữa”, lão tan chảy vào sông, trò chuyện cùng dòng sông và “để nó đưa mình đến đâu thì đến” và “nó sẽ cùng mình chạy qua bóng tối cuộc đời như cái việc nó đã làm từ nghìn xưa”.

Theo Đỗ Phấn, vì cô đơn và thương tổn, người ta mới hóa thân vào tự nhiên để nhận lại bản ngã và vực dậy tinh thần. Sau một vụ tai nạn khi đến thăm người bạn ở khu đô thị Kiến Vàng, Đức (*Rụng xuống ngày hư ảo*) luôn nhìn thấy hình ảnh “loắt choắt cánh doi” lớn vờn quanh mình. Giữa lúc lương tri và dục vọng, thiện và ác cứ đấu nhau trong từng quyết định và hành động, sự xuất hiện của “loắt choắt cánh doi” đã giúp anh nhìn thấy bản chất đời sống thực tại. Qua miền phiêu lưu tâm tưởng, chú doi đã đưa anh bay đến những vùng đất mới, những khu vườn nguyên xanh, đầm cỏ, hoang sơ, và cả những bãi bồi lôm chôm những “cánh

tay gầu máy xúc” đang bào mòn hệ sinh thái. Từ phía xa nhìn ngược về nơi từng sống, cảnh vật, con người hồi hã “như được nặn bằng sáp đang rùng rùng tan chảy ngoài cửa ô tràn vào thành phố trông như một bức tranh trừu tượng”, Đức cảm thấy nhẹ nhõm, may mắn vì “mình đã thoát ra khỏi con đại hồng thủy người ấy rồi”; “thành phố đã buông tha” cho anh và anh biến hình giữa những đàn doi, lang thang muôn phương, đón ánh mặt trời chan hòa rơi vào tầng áp mái, đêm đêm nghe “hư ảo gió chồn vờn trên hư ảo cây”.

Hành trình già từ thành thị để giao hòa/ hóa thân vào thiên nhiên là ngầm ý của tác giả nhằm khẳng định khả năng xoa dịu mọi chấn thương tâm lý của tự nhiên đối với con người hiện đại. Từ hơn hai thế kỷ trước, nhà văn lỗi lạc Thoreau đã từ bỏ London phồn hoa để đến với Walden, một mình sống trong rừng vì ông biết rằng: “cuộc sống trong thành phố của chúng ta sẽ trở nên tù đọng nếu không có những khu rừng và những đồng cỏ hoang bao quanh nó. Chúng ta cần thiên nhiên hoang dã như thuốc bổ tinh thần” [7, Tr. 328]. Đây cũng chính là tư tưởng quan trọng của người phương Đông – “Thiên – Địa – Nhân” – con người và tự nhiên luôn đồng hành và tương trợ trong quá trình sinh tồn. Tự nhiên như một thế lực siêu việt, là vùng tâm linh huyền diệu để con người nương náu, khẩn nguyện và vượt qua nỗi sợ hãi, cô độc, nhỏ nhoi của chính mình giữa hằng hà vũ trụ. Như vậy, với mạch nguồn sinh thái sâu sắc, tiểu thuyết của Đỗ Phấn đã thấu chạm tới những giá trị cao đẹp của minh triết xưa nay.

3. Kết luận

Đưa những gam màu tương phản của hội họa vào văn chương, Đỗ Phấn dễ dàng làm cho độc giả nhận thấy các chiều cảnh hướng trái ngược, mâu thuẫn của đời sống và con người. Thành phố ngày càng phát triển, nhưng bên trong lại ứ đọng nhiều rạn nứt. Tầng tòa cao ốc khang trang, hiện đại lại là nơi “giam cầm” con người. Tốc độ bê tông hóa chóng mặt đã khiến nhiều người cảm thấy ngột thở. Do đó, tâm thức cô đơn, bí bách cho đến cảm giác chối bỏ đô thị và tìm về thiên nhiên làm một hệ quả tất yếu. Trong quá trình phát triển, nhân loại đã tự ý gạt bỏ và thống trị tự nhiên, và bây giờ, con người phải gánh chịu những hậu quả nặng nề.

Những câu chuyện của Đỗ Phấn, sơ dĩ thành chuyện vì nó được viết từ những chiêm nghiệm và nỗi lòng. Mà nỗi lòng, chiêm nghiệm của một người đã quá tuổi bảy mươi biết bao giờ kể hết? Thành ra, văn chương Đỗ Phấn không nhằm trình diễn cho người đọc cấu trúc đẹp mắt về ngôn từ nghệ thuật, cũng không cố tạo ấn tượng mạnh qua hệ thống nhân vật phức tạp, đơn thuần đó chỉ là tự sự của một người thấu hiểu cuộc đời, thấu hiểu con người giữa bối cảnh đô thị hóa. Trong hình ảnh con người chối bỏ đô thị, người đọc thấy thấp thoáng đâu đây bóng dáng của ông – Đỗ Phấn – người đã nguyện với lòng mình “cả đời tôi sẽ chỉ viết sách về Hà Nội”.

Tài liệu tham khảo

1. Berdyaev (2016), *Con người trong thế giới tinh thần – Trải nghiệm triết học cá biệt luận*, Nguyễn Văn Trọng dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
2. Dirk C. Fleck (2014), *GO! Độc tài sinh thái – Trái đất trước con người sau*, Phan Bá dịch, <https://phanba.wordpress.com/2014/12/14/go-doc-tai-sinh-thai>, cập nhật 14/12/2014.
3. Đỗ Phấn (2011), *Chảy qua bóng tôi*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
4. Đỗ Phấn (2014), *Ruồi là ruồi*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
5. Đỗ Phấn (2015), *Rừng xuống ngày hư ảo*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
6. Đỗ Phấn (2016), *Vết gió*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
7. Đỗ Phấn (2017), *Rong chơi miền ký ức*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
8. Thoreau H.D (2016), *Walden – Một mình sống trong rừng*, Hiếu Tân dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
9. Đỗ Lai Thúy (1999), *Từ cái nhìn văn hóa*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

IMAGE OF HUMANS DENYING CITIES IN DO PHAN'S NOVELS

Nguyen Thuy Trang

University of Education, Hue University, 32 Le Loi St., Hue, Vietnam

Abstract. Humans denying cities are the typical image of Do Phan's novels. The noisy, crowded, cramped and polluted atmosphere of the city has made many people feel stuffy and stuck. Living among indifferent, insensitive people, they feel lonely and lost. Do Phan outlined the trauma of the modern people in the context of urbanization to re-realize the real world. This is also the way the writer traces his ego, reflects the reality and expresses the aspirations of a harmonious life with nature.

Keywords. cities, Do Phan, denying cities, urbanization